

**THỜI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG TUẦN
NĂM HỌC 2023 - 2024**

1. KHỐI 6, 7, 8

1.1. Bảng tổng hợp số tiết theo CTPT 2018:

Nội dung giáo dục	KHỐI 6, 7		KHỐI 8		
			Số tiết/ năm học	HKI	HKII
	Số tiết/ năm học	Số tiết/ tuần		Số tiết/ tuần	Số tiết/ tuần
Môn học bắt buộc					
Ngữ văn	140	4	140	4	4
Toán	140	4	140	4	4
Ngoại ngữ 1	105	3	105	3	3
Giáo dục công dân	35	1	35	1	1
Lịch sử và Địa lí	105	3	105	3	3
Khoa học tự nhiên	140	4	140	4	4
Công nghệ	35	1	52	2	1
Tin học	35	1	35	1	1
Giáo dục thể chất	70	2	70	2	2
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	2	70	2	2
Hoạt động giáo dục bắt buộc					
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	3	105	3	3
Nội dung giáo dục của địa phương	35	1	35	1	1
Môn học tự chọn					
Tiếng dân tộc thiểu số	105	3	105	3	3
Ngoại ngữ 2	105	3	105	3	3
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)	1015	29	1032		
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)	29	29	29,5	30	29

Lưu ý: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 3 tiết (01 tiết Chào cờ; 01 tiết Sinh hoạt lớp - HĐTN,HN; 01 tiết dạy học theo chủ đề theo SGK)

1.2. Nội dung giáo dục:

- Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

- Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

2. KHỐI 9: bảng tổng hợp số tiết theo QĐ16

TT	Môn	KHỐI 9	
		I	II
1	Ngữ văn	5	5
2	Lịch sử	1	2
3	Địa lý	2	1
4	Tiếng Anh	2	2
5	Toán	4	4
6	Vật lý	2	2
7	Hóa học	2	2
8	Sinh học	2	2
9	GDCD	1	1
10	Công nghệ	1	1
11	Âm nhạc	1	
12	Mỹ thuật	1	
13	Thể dục	2	2
14	Tự chọn	2	2
15	<i>GD tập thể</i>	2	2
16	<i>HĐ GDNGLL</i>	18 tiết/ năm	
17	HĐ GDHN	9 tiết/ năm	
Tổng số tiết (không tính HĐNGLL; H.Nghệ và HĐ tập thể)		30	28

- THCS: 37 → 42 tiết

- Tự chọn: Tin học

- GD tập thể: 1 tiết chào cờ, 1 tiết sinh hoạt chủ nhiệm.

TỔ PHỔ THÔNG